TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 68/2020/QĐST– HNGĐ	*Tam Bình, ngày 18 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 121/2020/TLST/HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim N, 1992

Nơi ĐKHKTT: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn:* Anh Trần Hữu B, sinh năm 1989

Nơi ĐKHKTT: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Trần Hữu B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh B đồng ý giao con chung là Trần Gia N, sinh ngày 01/02/2011 cho chị N tiếp tục trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh B đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con được thực hiện kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật được đưa ra thi hành.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Anh B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Trần Hữu B thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không đặt ra để giải quyết.

không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không đặt ra để giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Trần Hữu B thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không đặt ra để giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim N tự nguyện nộp 150.000^{đ} (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và tự nguyện nộp thay anh Trần Hữu B 150.000^{đ} (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 300.000^{đ} (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0010001 ngày 10/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL;
- VKSND huyện TB;
- Chi cục THADS huyện TB;
- Đương sự;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tuyết Sương